

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

I. Chức năng và nhiệm vụ của ngoại thương

1. Chức năng của ngoại thương

2. Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động ngoại thương

2.1. Căn cứ xác định nhiệm vụ

2.2 Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động ngoại thương

II. Mối quan hệ giữa ngoại thương và các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế

Sản xuất

Tiêu dùng

Đầu tư nước ngoài

Bộ môn Kinh tế Ngoại thương - Đại học Ngoại thương

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

1. Chức năng của ngoại thương

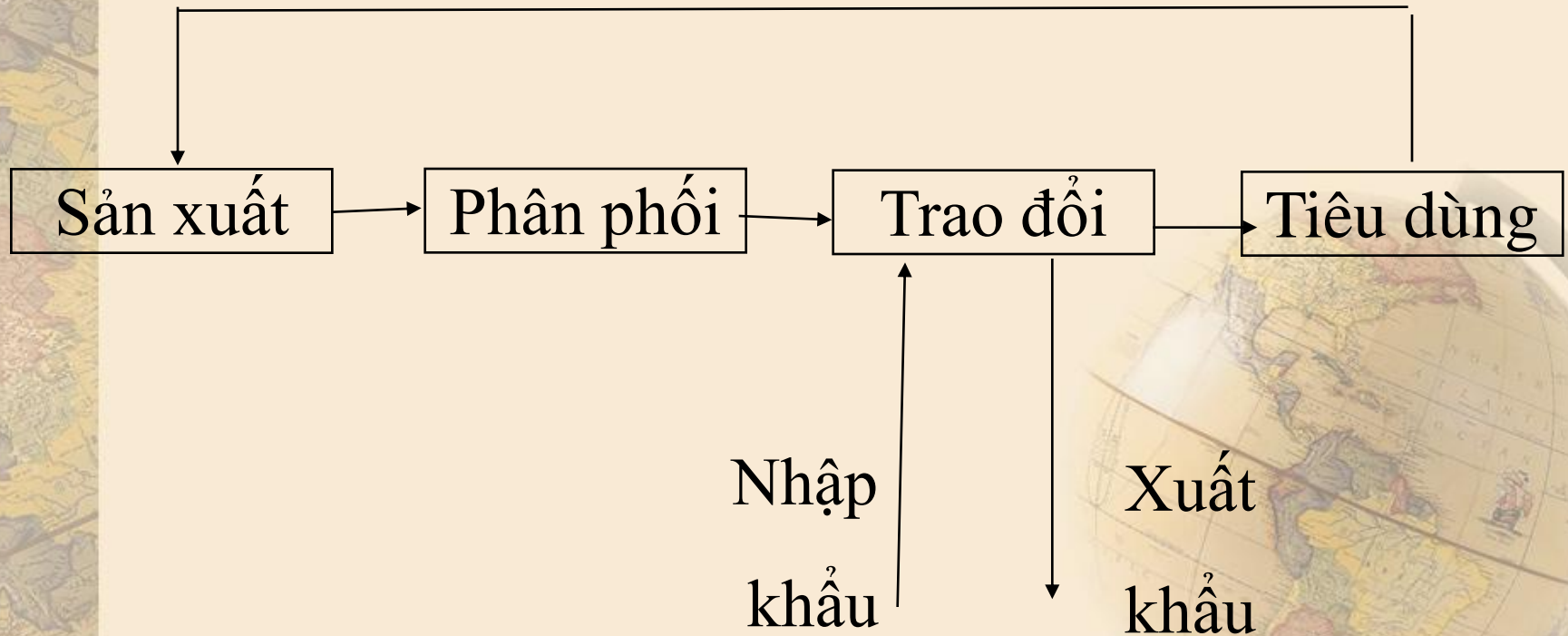
- Với tư cách là một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội:

- (1) Tạo vốn cho quá trình mở rộng vốn đầu tư trong nước
- (2) Chuyển hóa giá trị sử dụng, thay đổi cơ cấu vật chất theo nhu cầu của tiêu dùng
- (3) Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế



Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

Quá trình tái sản xuất xã hội



Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

1. Chức năng của ngoại thương

- Với tư cách là một lĩnh vực kinh tế đảm nhận khâu 1- u thông hàng hoá giữa trong n- ớc với n- ớc ngoài, chức năng cơ bản của ngoại th- ơng là: thông qua mua bán để nối liền một cách hữu cơ theo kế hoạch giữa thị tr- ờng trong n- ớc với thị tr- ờng n- ớc ngoài, thoả mãn nhu cầu của sản xuất và của nhân dân về hàng hoá theo số l- ợng, chất l- ợng, mặt hàng, địa điểm và thời gian phù hợp với chi phí ít nhất.

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

2. Nhiệm vụ của ngoại th- ơng

2.1. Căn cứ xác định nhiệm vụ của ngoại thương

a. Chức năng của ngoại thương

b. Đặc điểm kinh tế - xã hội cơ bản của nước ta

c. Bối cảnh quốc tế

d. Nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế trong thời kỳ kế hoạch



Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

2.1. Căn cứ xác định nhiệm vụ của ngoại thương

b. Đặc điểm kinh tế - xã hội cơ bản của nước ta

- Thứ nhất, n- ớc ta đang trong quá trình từ một nền sản xuất nhỏ phổ biến đi lên CNXH.
- Thứ hai, nền kinh tế n- ớc ta là một nền kinh tế có nhiều thành phần tham gia



c. Bối cảnh quốc tế

- **Những thách thức, khó khăn:** Tác động đột ngột khi hệ thống XHCN ở Liên Xô sụp đổ; thương mại TG diễn ra trong một môi trường cạnh tranh khốc liệt; Sự phụ thuộc kinh tế giữa các nước ngày càng lớn; Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế và những mặt tiêu cực của nó,....

- **Những thời cơ, thuận lợi:** Quan hệ buôn bán với các nước khác trên TG được cải thiện một cách đáng kể; Việt Nam thực hiện đường lối mở cửa và hội nhập với bên ngoài đúng vào thời kỳ mà thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại; tác động tích cực của xu thế toàn cầu hoá,...

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

d. Nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế trong thời kỳ kế hoạch:

- tăng tr- ờng và phát triển bền vững;
- ổn định, nâng cao đời sống nhân dân, đ- a đất n- ớc ra khỏi tình trạng một n- ớc nghèo và kém phát triển;
- củng cố vững chắc quốc phòng và an ninh;
- tạo môi tr- ờng thuận lợi cho đất n- ớc phát triển nhanh hơn,....

2.2 Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động ngoại thương

- a. Nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa đất nước**
- b. Góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội quan trọng của đất nước: vốn, việc làm, công nghệ, sử dụng tài nguyên có hiệu quả.**
- c. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính kinh tế và tính chính trị trong hoạt động ngoại thương.**

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

a. Nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa đất nước

- Nâng cao hiệu quả KD:

- + tạo ra những cơ hội làm ăn đồng thời cũng tạo ra sức ép cho các doanh nghiệp trong n- ớc: chấp nhận những nguyên tắc của cạnh tranh trên thị tr- ờng, chấp nhận giá quốc tế
- + chuyển dịch cơ cấu nền KT theo h- ướng phát huy LTSS quốc gia.
- + cơ chế quản lý phải biến đổi phù hợp với “luật chơi chung” trên thị tr- ờng TG.

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

a. Nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa đất nước

- Đối với nhiệm vụ thúc đẩy sự nghiệp CNH đất nước:

+ NT có nhiệm vụ tìm kiếm những đầu vào mới và tiêu thụ những sản phẩm của ngành CN làm ra.

+ Thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở trong nước và giữa trong nước với nước ngoài để tranh thủ những lợi thế do ngoại thương và phân công lao động quốc tế mang lại như chuyển giao công nghệ, vốn, know-how, marketing,... góp phần đẩy nhanh tốc độ CNH.

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

b. Góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội quan trọng của đất nước: vốn, việc làm, công nghệ, sử dụng tài nguyên có hiệu quả.

b1. Vốn:

- Tạo vốn: vốn trong nước và vốn ĐTNN

- Sử dụng vốn có hiệu quả:

+ nhập khẩu tiết kiệm, có chọn lọc;

+ phân bổ hợp lý nguồn vốn đầu tư - theo ngành, vùng, theo định hướng thay thế nhập khẩu hay hướng vào xuất khẩu, theo cách sử dụng lao động,...

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

b2. Việc làm:

- **phải tạo ra những ngành nghề mới có lợi thế cạnh tranh để thu hút đ- ợc nhiều lao động:** làng nghề xk, gia công xuất khẩu, KCX, các ngành dịch vụ xuất khẩu,...
- **tăng hàm l- ượng chế biến trong sản phẩm xuất khẩu để thu hút lao động vào các ngành công nghiệp chế biến**
- **đ- a lao động tham gia vào phân công lao động quốc tế**



b3. Công nghệ:

Thực trạng:

- Trình độ KH-CN thấp kém, tụt hậu xa so với các n- ớc
- Tiềm lực khoa học có nhiều hạn chế, yếu kém
- Cơ chế quản lý KH-CN ch- a phù hợp với cơ chế thị tr- ờng
- KH-CN ít gắn với sản xuất và đời sống



→ Nhiệm vụ:

- Cần thực hiện một quá trình *chuyển giao công nghệ* từ ngoài vào qua con đ- ờng ngoại th- ơng;
- Chú trọng xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hoá từ những “*thị tr- ờng nguồn*”.



Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

b4. Sử dụng tài nguyên có hiệu quả:

- Xây dựng một cơ cấu sản phẩm xuất khẩu hợp lý
- tăng hàm lượng chế biến trong sản phẩm xuất khẩu
- khuyến khích nâng cao tỷ lệ nội địa hoá (local content) đối với các DN có vốn ĐTNN



Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

c. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính kinh tế và tính chính trị trong hoạt động ngoại thương.

- Việc tiến hành các hoạt động NT phải dựa trên sự tính toán một cách toàn diện các yếu tố đã hình thành và xu hướng phát triển kinh tế và chính trị trong nước và quốc tế như :

- + nhu cầu và khả năng đáp ứng sản xuất trong nước,
- + an ninh lương thực,
- + sự tiến bộ KHKT,
- + tình hình kinh tế và thị trường hàng hoá TG,
- + các chính sách KT và thương mại của các bạn hàng,...

-

Chương 3: Chức năng, nhiệm vụ của ngoại thương

c. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính kinh tế và tính chính trị trong hoạt động ngoại thương.

- Tuân theo sự quản lý thống nhất của Nhà n- ớc về các hoạt động này:

+ Nhà n- ớc (Chính phủ Trung - ơng) là ng- ời duy nhất đ- ợc ban hành các chính sách và giải thích các chính sách ngoại th- ơng.

+ Chính phủ thông qua các cơ quan chức năng của mình, kiểm soát hoạt động ngoại th- ơng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

+ Các địa ph- ơng, các ngành và các doanh nghiệp phải phối hợp với nhau trong việc hoàn thành các mục tiêu chung đã vạch ra.

- Chính sách và các hoạt động ngoại th- ơng trong thực tiễn phải vận động cùng chiều với chính sách đối ngoại của Nhà n- ớc Việt Nam.

1. Ngoại thương và Sản xuất:

a. SX sẽ quyết định đến quy mô, tốc độ và tính chất của hoạt động NT.

- Trong chu trình tái SX xã hội:

Sản xuất – Phân phối – Trao đổi – Tiêu dùng

NT giữ vai trò *khâu trung gian* là cầu nối giữa SX và TD

- SX -> NK: sản xuất quy mô lớn, luân chuyển hàng hoá nhanh, nhu cầu đầu vào lớn → hoạt động NK phát triển
- SX -> XK: sản xuất quyết định qui mô, chất lượng và giá cả của hàng xuất khẩu -> tính cạnh tranh của hàng XK trên thị trường quốc tế

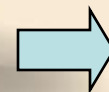
Tính chất của nền kinh tế (nền SX) sẽ quyết định tới tính chất của hoạt động NT.



b. NT thúc đẩy SX:

★ NT thúc đẩy SX:

- + Thứ nhất, NT tạo điều kiện đảm bảo *các yếu tố đầu vào, đầu ra* của sản xuất, giúp *chuyển dịch cơ cấu sản phẩm* theo hướng có lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo
- + Thứ hai, NT tạo vốn cho việc *mở rộng vốn đầu tư* cho sản xuất
- + Thứ ba, góp phần *tạo ra môi trường cạnh tranh* giúp SX phát triển vững mạnh -> tăng năng lực và hiệu quả sản xuất
- + Thứ tư, NT tạo điều kiện *tiếp thu KH-CN*, nâng cao năng lực sản xuất trong nước

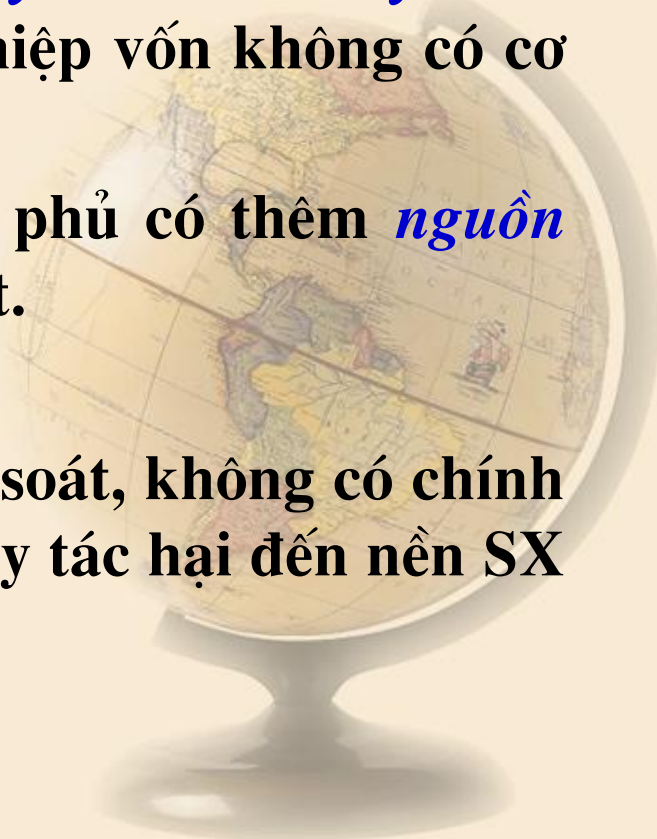


b. NT tác động trở lại SX:

- + Thứ năm, ngoại th- ơng giúp cho việc *phân bố và sử dụng các nguồn lực trong n- ớc* một cách hiệu quả hơn
- + Thứ sáu, ngoại th- ơng tạo ra những *yếu tố thúc đẩy* nhất định đối với một số ngành công nghiệp vốn không có cơ hội phát triển nào khác.
- + Thứ bảy, ngoại th- ơng giúp Chính phủ có thêm *nguồn thu* để tài trợ cho phát triển sản xuất.

★ Tác động kìm hãm SX của NT

- Hoạt động XNK diễn ra không kiểm soát, không có chính sách định h- ớng đúng đắn có thể gây tác hại đến nền SX nội địa.



Sự thay đổi Cơ cấu sản phẩm XH do tác động của NT *(theo Đơn vị quy - ớc)*

Khu vực SX xã hội	SP ban đầu	XK	NK	SP sau khi có NT
Khu vực I: SX ra TLSX	1200	400	700	1500
- Máy móc thiết bị	400	0	600	1000
- Nguyên-Vật liệu	800	400	100	500
Khu vực II: SX ra TLTD	1300	600	300	1000
- Sản phẩm Công nghiệp	400	100	300	600
- Sản phẩm Nông nghiệp	900	500	0	400
Tổng số	2.500	1.000	1.000	2.500

2. Ngoại thương với Tiêu dùng:

- + NT trực tiếp NK hàng tiêu dùng mà trong n- ớc ch- a SX đ- ợc hoặc SX ch- a đủ.
- + NT nhập khẩu những t- liệu SX cần thiết để phục vụ cho việc SX hàng hoá TD trong n- ớc.
- + NT tạo ra những biến đổi trong nhu cầu tiêu dùng xã hội, thể hiện:
 - Tạo điều kiện gia tăng thu nhập, từ đó tăng khả năng TD của nhân dân.
 - NT tạo thói quen TD mới: phát sinh nhu cầu mới hoặc biến đổi cơ cấu nhu cầu (chất l- ợng, số l- ợng, giá cả)



★ Tiêu dùng tác động trở lại đến NT nh- thế nào?

Thị hiếu, nhu cầu TD sẽ phần nào *định hướng* hoạt động NT chuyển dịch theo 2 khía cạnh:

- + NK hàng tiêu dùng; hoặc
- + NK đầu vào cho SX hàng tiêu dùng

→ Mỗi quan hệ đan xen lẫn nhau: **SX-NT-TD-SX**



3. NT với thu hút vốn ĐTNN và ĐT ra n- ớc ngoài

- **ĐTNN là hình thức di chuyển các yếu tố SX, các nguồn lực ra n- ớc ngoài nhằm:**
 - + **Sử dụng những nguồn lực một cách có hiệu quả hơn.**
 - + **Tránh những rào cản th- ơng mại đối với sản phẩm hoàn chỉnh.**
- **NT và ĐTNN có mối quan hệ hữu cơ qua lại, cùng chiều.**



★ Hoạt động NT → thu hút ĐTNN:

XK:

- N- ớc XK th- ờng có **chi phí SX thấp hơn** so với chi phí SX của thế giới → có khả năng mang lại lợi nhuận cho các nhà ĐT.
- XK nhiều → có **nguồn tài chính mạnh**, dự trữ ngoại tệ nhiều, cán cân TTQT ổn định → tạo lòng tin cho các nhà ĐTNN.
(VD: Trung Quốc)
- Cơ cấu XK sẽ **bộc lộ tiềm năng** rõ rệt ở nhiều lĩnh vực, ngành → thu hút ĐTNN h- ớng về XK.
- **Thị tr- ờng sẵn có**, quan hệ tốt → thu hút ĐTNN.
- Hệ thống các **chính sách khuyến khích XK** → - u đãi cho ĐTNN.
- Chỉ số **XK/GDP** (NT/GDP): độ mở của nền KT

NK ↗:

- Quốc gia có *nhu cầu lớn* về các loại sản phẩm và có khả năng thanh toán → dễ thu hút đ- ợc ĐTNN vào hoạt động SX thay thế NK để tiêu thụ tại chính thị tr- ờng đó

VD: ngành CN ô tô Việt Nam

- Nói chung các tác động khác t- ơng tự nh- tác động của hoạt động XK đến ĐTNN → gộp chung lại là NT ↗ → ĐTNN ↗



★ Vốn ĐTNN ↗ → hoạt động NT ↗:

- ĐTNN sẽ **mở rộng quy mô SX**, đa dạng hoá lĩnh vực SX của một quốc gia → NT phát triển
- ĐTNN đi liền với **máy móc thiết bị hiện đại**, công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý, SX lớn, sản phẩm mới,... → Tăng khả năng XK sang các thị trường mới

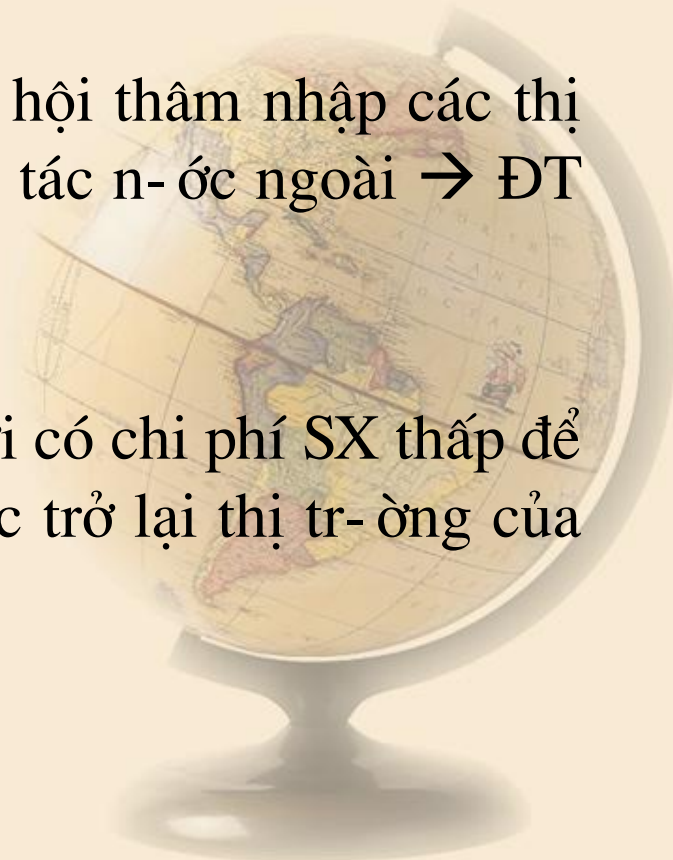


★ Ngoại th- ơng và ĐT ra n- ớc ngoài:

NT tác động đến ĐT ra n- ớc ngoài:

XK ↗ → Các DN cũng sẽ tìm kiếm cơ hội thâm nhập các thị tr- ờng, lập VPĐD, liên doanh với đối tác n- ớc ngoài → ĐT ra n- ớc ngoài ↗.

NK ↗ → các nhà ĐT sẽ đi tìm những nơi có chi phí SX thấp để bỏ vốn ĐT sản xuất sau đó XK ng- ợc trở lại thị tr- ờng của mình. (VD: hình thức gia công)



★ Ngoại th- ơng và ĐT ra n- ớc ngoài:

ĐT ra n- ớc ngoài tác động đến NT:

- Việc di chuyển vốn ra n- ớc ngoài thông qua đầu t- trực tiếp th- ờng kích thích hoạt động ngoại th- ơng mà ở đây chủ yếu là *xuất khẩu* hàng hoá, vì nhu cầu của các cơ sở đầu t- tại n- ớc ngoài đối với:
 - + Thiết bị cho các công trình, các chi nhánh;
 - + Các sản phẩm bổ sung;
 - + Các bộ phận rời;
- Đầu t- ra n- ớc ngoài trong nhiều tr- ờng hợp dẫn đến gia tăng *tái nhập khẩu*.

Số liệu đầu t- ra n- ớc ngoài của Việt Nam?

